

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**
Bản án: 11/2022/HS - ST
Ngày: 28/3/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Trung Lan.

2/ Ông Nguyễn Tất Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐ – HPT ngày 21 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo K' Nguyễn Hùng L – Sinh ngày 10 tháng 02 năm 2000, tại: Lâm Đồng; Trú tại: Thôn I, xã LB, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Thợ cơ khí; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Châu mạ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hùng C – sinh năm 1979 và bà Ka M– sinh năm 1977; Vợ: Chị Ka T1 – Sinh năm 2001, con: có 02, con lớn năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án: Không,

Tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 11/5/2021 bị Công an huyện BL ra Quyết định xử phạt hành chính 2.500.000đ về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác” chấp hành xong ngày 03/6/2021.

Tạm giữ từ ngày: 03/9/2021; Tạm giam: Ngày 06/9/2021; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ. “*Có mặt*”.

2/ Bị cáo Chu Xuân H – Sinh ngày 02 tháng 02 năm 1992, tại: Lâm Đồng; Trú tại: Thôn HP, xã O, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Xuân T2 – sinh năm 1959 và bà Dương Thị N – sinh năm 1959; Vợ: Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1995, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2012 và con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/12/2008, bị Ủy ban nhân dân huyện Đ ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng; Ngày 11/6/2014, bị TAND huyện Đ xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tạm giữ từ ngày: 03/9/2021; Tạm giam: Ngày 06/9/2021; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ. “*Có mặt*”.

3/ Bị cáo Phạm Văn P – Sinh ngày 25 tháng 10 năm 1990, tại: Lâm Đồng; Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Thợ sơn nước; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn H4 – sinh năm 1957 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T4 – sinh năm 1957; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: 01 tiền án, ngày 14/02/2020, bị TAND huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 03/8/2021, chấp hành xong án phạt tù. Vì vậy, bị can chưa được xoá án tích.

Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 12/01/2018 bị Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 2.500.000đ về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, đến nay vẫn chưa chấp hành quyết định nộp phạt.

Về nhân thân:

- Ngày 19/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 08/6/2010, bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 12 tháng tù tù giam về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Ngày 01/02/2013, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ra quyết định số 184/QĐ đưa vào cơ sở giáo dục 12 tháng về hành vi đánh nhau, gây rối trật tự công cộng.

Tạm giữ từ ngày: 02/9/2021; Tạm giam: Ngày 08/9/2021; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ. “*Có mặt*”.

4/ Bị cáo Trần Đức T – Sinh ngày 03 tháng 7 năm 2003, tại: Lâm Đồng; Trú tại: Thôn I, xã LB, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Thợ mộc; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đức M2 – sinh năm 1975 và bà Lê Thị Kim T5 – sinh năm 1980; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không.

Tạm giữ từ ngày: 02/9/2021; Tạm giam: Ngày 08/9/2021; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ. “*Có mặt*”.

2. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Chu Thị V – Sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn HP, xã O, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”

- Anh Lê Tiến A – Sinh năm 1984

Trú tại: Thôn HP, xã O, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có đơn xin vắng mặt*”

- Chị Ka G – Sinh năm 2001

Trú tại: Thôn I, xã LB, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. “Có đơn xin vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen và biết bị cáo K' Nguyễn Hùng L, trú tại Thôn I, xã LB, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng có ma túy. Ngày 01/9/2021, bị cáo Chu Xuân H, điện thoại cho K' Nguyễn Hùng L để mua ma túy với giá 2.000.000đ về sử dụng. Lúc này, bị cáo K' Nguyễn Hùng L đang đi mua đồ sửa xe máy tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Trước khi mua đồ sửa xe máy thì vợ K' Nguyễn Hùng L là Ka G đưa cho số tiền 3.000.000đ để K' Nguyễn Hùng L mua đồ sửa xe máy. Lúc này, K' Nguyễn Hùng L nảy sinh ý định sử dụng số tiền 1.500.000đ mua ma túy đã bán lại cho bị cáo H để kiếm lời. Sau đó, bị cáo K' Nguyễn Hùng L ra khu vực bến xe cũ Thành phố Bảo Lộc mua của người tên L 01 gói ma túy đá với số tiền là 1.500.000đ rồi điện thoại báo cho H lên Lộc Bắc lấy. Lúc này, bị cáo H cùng bị cáo Trần Đức T và bị cáo Phạm Văn P đang nhậu tại nhà bị cáo H biết việc bị cáo H gọi cho K' Nguyễn Hùng L để mua ma túy. Sau đó, bị cáo H nói P và T lên Lộc Bắc để gặp K' Nguyễn Hùng L lấy ma túy mang về cùng sử dụng. Lúc này, H mượn xe máy nhãn hiệu Vison, màu sơn đen, biển số 49M1-037.42 của chị gái là Chu Thị V để bị cáo P và bị cáo T đi lên Lộc Bắc. Trên đường đi, T nói với P là chung tiền với nhau để mua ma túy, T đưa cho P 1.000.000đ. Khi lên gặp K' Nguyễn Hùng L để lấy ma túy và trả tiền là 2.000.00đ, nhưng khi kiểm tra gói ma túy thì P nói số lượng ma túy ít mà bán đắt. Sau đó, K' Nguyễn Hùng L đã trả lại cho P số tiền 500.000đ. Khi về đến nhà, bị cáo K' Nguyễn Hùng L đưa cho vợ là Ka G số tiền 1.500.000 đồng, đến sáng ngày 02/9/2021 Ka G đã đưa lại số tiền 1.500.000 đồng để bị cáo K' Nguyễn Hùng L tiêu xài cá nhân. Sau khi lấy được ma túy, bị cáo P cất gói ma túy vào túi quần của P và cùng với T đi về xã O, huyện Đ. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, chốt kiểm soát, phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại buôn Đất Đỏ thuộc Thôn 8, xã Mỹ Đức, huyện Đ thì bị Công an huyện Đ yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Khi phát hiện lực lượng Công an thì bị cáo T đứng yên còn bị cáo P đã ném 01 túi nylon màu trắng, có kích thước 3,7cm x 3,8cm được hàn kính 03 cạnh còn lại 01 cạnh có khoá bấm nhựa màu xanh xuống cách lề đường phía bên trái theo hướng đi từ xã Lộc Bắc, huyện BL đi về xã Mỹ Đức, huyện Đ khoảng 30cm. Lúc này, lực lượng Công an yêu cầu bị cáo P nhặt lên và mở túi nylon ra thì phát hiện bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng nghi là chất ma túy, bị cáo P khai nhận gói nylon này chứa ma túy đá vừa đi mua của bị cáo L ở thôn I, xã LB, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng mang về với mục đích để sử dụng. Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo K' Nguyễn Hùng L, Chu Xuân H, Phạm Văn P và Trần Đức T đã khai nhận hành toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Ngày 02/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã trưng cầu giám định đối với 01 gói nylon màu trắng có kích thước 3,7cm x 3,8cm được hàn kính 03 cạnh còn lại 01 cạnh có khoá bấm nhựa màu xanh đã thu giữ của các bị cáo T và P. Tại, Kết luận giám định số 1206/GĐ-PC09 ngày 06/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định mẫu tinh thể màu trắng là ma túy, có khối lượng 0,7420 gam, loại Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục II, STT: 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKSĐT ngày 25/01/2022 của Viện kiểm sát nhân

dân huyện Đ truy tố bị cáo K' Nguyễn Hùng L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự và bị cáo Chu Xuân H cùng đồng phạm truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo K' Nguyễn Hùng L từ 24 (*Hai mươi bốn*) tháng đến 30 (*Ba mươi*) tháng tù.

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn P từ 24 (*Hai mươi bốn*) tháng đến 30 (*Ba mươi*) tháng tù.

* Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Chu Xuân H từ 18 (*Mười tám*) tháng đến 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù.

- Xử phạt bị cáo Trần Đức T từ 12 (*Mười hai*) tháng đến 15 (*Mười lăm*) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo L, H, P và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản cáo trạng truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Ngày 01/9/2021, các bị cáo Phạm Văn P, Chu Xuân H và Trần Đức T mua 0,7420 gam ma túy, loại Methamphetamine của K' Nguyễn Hùng L ở xã Lộc Bắc, huyện BL để về huyện Đ sử dụng. Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, khi bị cáo T và P đang trên đường về huyện Đ qua chốt kiểm soát, phòng chống dịch bệnh COVID-19 tại buôn Đất Đỏ thuộc Thôn 8, xã Mỹ Đức, huyện Đ thì bị Công an huyện Đ yêu cầu dừng xe để kiểm tra thì phát hiện bắt quả tang hàm lượng ma túy là 0,7420 gam ma túy, loại Methamphetamine. Lời khai nhận của các

bị cáo tại phiên tòa phù hợp với những tài liệu, chứng cứ đã được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo H, P và T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự, bị cáo K’ Nguyễn Hùng L phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Vì vậy, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi ấy đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, đồng thời là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn xã hội và nhiều loại tội phạm nói chung, qua đó gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và nếp sống văn minh tại địa phương. Trong vụ án này, các bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm một cách tích cực, vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn giữa các bị cáo H, P và T do các bị cáo chưa có sự câu kết và phân công vai trò của từng người. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với tính chất, mức độ và hành vi các bị cáo đã gây ra. Xét vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với bị cáo K’ Nguyễn Hùng L bản thân có nhân thân xấu và bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình là sai trái nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi bán ma túy cho Phạm Văn P, Chu Xuân H và Trần Đức T 0,7420 gam ma túy để sử dụng. Cho thấy, bị cáo là người coi tV pháp luật, do vậy cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để đảm bảo giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đối với bị cáo Chu Xuân H có nhân thân xấu, bản thân là người nghiện ma túy, bị cáo đã từng bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng và từng bị xét xử liên quan đến tội ma túy cụ thể là năm 2014 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 24 tháng tù giam về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm nhưng lại tiếp tục lao vào con đường phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Xét về vai trò và trách nhiệm của các bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” cũng như nhân thân của bị cáo, đồng thời bị cáo là người trực tiếp điện thoại liên lạc với K’ Nguyễn Hùng L để mua ma túy. Do đó bị cáo H phải chịu trách nhiệm về hình phạt cao hơn so với các bị cáo P và bị cáo T.

Đối với bị cáo Phạm Văn P có 01 tiền sự, ngày 12/01/2018 bị Công an huyện Đ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 2.500.000đ về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, đến nay vẫn chưa chấp hành quyết định nộp phạt và ngoài ra, bị cáo có 01 tiền án, ngày 14/02/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích chưa được xóa án tích nhưng lại tích cực có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”*” nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bản thân bị cáo nhận thức tàng trữ ma túy là vi phạm nhưng bị cáo vẫn người chủ động, gợi ý đồng thời trực tiếp đi mua ma túy về sử dụng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm nghiêm về hành vi của mình gây ra.

Đối với bị cáo Trần Đức T bản thân biết tác hại của ma túy gây ra nhiều hệ lụy cho bản thân và cộng đồng nhưng vẫn cố ý thực hiện, xét về nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một phần là do sự rủ rê của

bị cáo H, nên xét vai trò của bị cáo T trong vụ án là thấp hơn so với bị cáo H và bị cáo P nên bị cáo chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn.

Từ những phân tích trên, cho thấy các bị cáo là những người coi tV pháp luật, tuy nhiên xét vai trò, hành vi, nhân thân của các bị cáo cũng như tình hình tại địa phương hiện nay số lượng các vụ án liên quan đến ma túy ngày càng gia tăng. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự hối cải về về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] Ngoài ra, theo lời khai của các bị can K' Nguyễn Hùng L thì nguồn gốc ma túy là mua của người tên L ở Thành phố Bảo Lộc. Nhưng quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã xác minh nhưng không xác định được nhân thân, lai lịch cụ thể nên tách ra tiếp tục xác minh xử lý sau và phù hợp.

Đối với Ka G là vợ của K' Nguyễn Hùng L đã đưa số tiền 3.000.000đ cho L đi mua đồ sửa xe máy tại thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 01/9/2021. Sau đó, bị cáo L mua đồ sửa xe máy hết 1.500.000đ, còn lại 1.500.000đ L sử dụng để mua ma túy. Quá trình điều tra xác định, việc bị cáo L sử dụng tiền để mua ma túy thì Ka G không biết và khi bị cáo L đưa lại 1.500.000đ thì Ka G không biết nguồn gốc cụ thể của số tiền này. Đến sáng 02/9/2021, thì Ka G đưa lại cho bị cáo L để tiêu xài cá nhân. Vì vậy, không đủ cơ sở để xử lý hành vi của Ka G là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về hình phạt của bị cáo K' Nguyễn Hùng L và bị cáo Chu Xuân H chưa phù hợp với tính chất, mức độ, hành vi của từng bị cáo cũng như về nhân thân và việc phân hóa vai trò của từng bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo K' Nguyễn Hùng L và bị cáo Chu Xuân H cao hơn so với mức đề nghị của Viện kiểm sát một thời gian mới đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 02 phong bì Công an tỉnh Lâm Đồng đã niêm phong, có chữ ký của Phạm Thị Dung, Nguyễn Quang Hưng, Kiều Văn Bằng, trên phong bì có dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng, bao gồm 01 phong bì đựng bao gói vật chứng trước giám định và 01 phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định: 0,4468g. Các vật chứng trên là vật chứng cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp quy định c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- 05 chiếc điện thoại di động các loại gồm:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại phím bấm, vỏ màu đen, số IMEI: 353101110931820, điện thoại đang trong tình trạng tắt nguồn, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu xanh, số IMEI: 353101114563264, điện thoại đang trong tình trạng tắt nguồn, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150, loại phím bấm, vỏ màu đen, số IMEI: 354138630825537, điện thoại đang trong tình trạng tắt nguồn, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, nhãn hiệu Realme, số IMEI: 868236042294737, điện thoại đang trong tình trạng tắt nguồn, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, nhãn hiệu OPPO A54, số IMEI: 865570054909599, điện thoại đang trong tình trạng tắt nguồn, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

Xét thấy, 05 chiếc điện thoại trên liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Số tiền mặt 3.900.000đ đã được nộp vào tài khoản của Công an huyện Đ tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ. Trong đó, số tiền 2.400.000đ tạm giữ trên người bị cáo P khi bắt quả tang và 1.500.000đ tiền bán ma túy do bị cáo L tự nguyện giao nộp.

Nhận thấy, số tiền 1.500.000đ (trong số tiền mặt 3.900.000đ đang tạm giữ) do bị cáo K' Nguyễn Hùng L tự nguyện giao nộp và số tiền 500.000đ trong tổng số tiền mặt 3.900.000đ đồng đã tạm giữ liên quan đến hành vi phạm tội do đó cần tịch thu Sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

Hoàn trả cho bị cáo Trần Đức T số tiền 900.000đ (*Chín trăm ngàn đồng*) và trả cho bị cáo Phạm Văn P số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) không liên quan đến hành vi phạm tội, trong số tiền mặt đã tạm giữ 3.900.000đ, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo Thi hành án.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Vison, màu sơn đen, biển số 49M1-037.42 do H mượn của chị gái là Chu Thị V, trú tại Thôn HP, xã O để P và T đi mua ma túy và bị bắt quả tang. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe trên là của chị Chu Thị V, trú tại Thôn HP, xã O. Chị V không biết H mượn xe đi đâu, làm gì. Vì vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo K' Nguyễn Hùng L, Chu Xuân H, Phạm Văn P và Trần Đức T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo K' Nguyễn Hùng L phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" các bị cáo **Chu Xuân H, Phạm Văn P và Trần Đức T** phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

-Xử phạt bị cáo K' Nguyễn Hùng L 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/9/2021.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Xuân H 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/9/2021.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn P 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/9/2021.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Đức T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/9/2021.

2. Về vật chứng của vụ án:

* Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy:

- 02 phong bì Công an tỉnh Lâm Đồng đã niêm phong, có chữ ký của Phạm Thị Dung, Nguyễn Quang Hưng, Kiều Văn Bằng, trên phong bì có dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng, bao gồm 01 phong bì đựng bao gói vật chứng trước giám định và 01 phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định: 0,4468g.

* Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, loại phím bấm, vỏ màu đen, số IMEI: 353101110931820, điện thoại đang trong tình trạng tắt nguồn, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu xanh, số IMEI: 353101114563264, điện thoại đang trong tình trạng tắt nguồn, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 150, loại phím bấm, vỏ màu đen, số IMEI: 354138630825537, điện thoại đang trong tình trạng tắt nguồn, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, nhãn hiệu Realme, số IMEI: 868236042294737, điện thoại đang trong tình trạng tắt nguồn, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

+ 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh, nhãn hiệu OPPO A54, số IMEI: 865570054909599, điện thoại đang trong tình trạng tắt nguồn, không kiểm tra chất lượng điện thoại.

Những vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 27/01/2022.

*** Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:**

- Số tiền mặt 3.900.000đ đã được nộp vào tài khoản của Công an huyện Đ tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ. Trong đó, số tiền 2.400.000đ tạm giữ trên người Phạm

Văn P khi bắt quả tang và 1.500.000đ tiền bán ma túy do K' Nguyễn Hùng L tự nguyện giao nộp.

Sung quỹ Nhà nước số tiền 1.500.000đ (trong số tiền mặt 3.900.000đ đang tạm giữ) do bị cáo K' Nguyễn Hùng L tự nguyện giao nộp và số tiền 500.000đ trong tổng số tiền mặt 3.900.000đ đã tạm giữ .

*** Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:**

Hoàn trả cho bị cáo Trần Đức T số tiền 900.000đ (*Chín trăm ngàn đồng*) và trả cho bị cáo Phạm Văn P số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), trong số tiền mặt đã tạm giữ 3.900.000đ, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo Thi hành án.

Hiện số tiền 3.900.000đ trên đang được gửi tại tài khoản tiền gửi của Chi cục Thi hành dân sự huyện Đ số: 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đ theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 27/01/2022.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tV vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo L, H, P và T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/3/2022), các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa hôm nay có quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Người có QL & NVLQ;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Trung Lan

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Nguyễn Tất Quyết